

Nghệ thuật hang động ở hang Khố Mỹ, Hà Giang: tư liệu và nhận thức

Trình Năng Chung¹

¹ Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: trihnangchung@gmail.com

Nhận ngày 16 tháng 8 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2020.

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến nghệ thuật tạo hình trong hang động ở hang Khố Mỹ, xã Tùng Vai, huyện Quan Ba, tỉnh Hà Giang. Đây là bích họa thể hiện 4 hình người hóa trang: đầu có hai sừng dài, mõm dài trong tư thế nhảy múa. Người Khố Mỹ xưa đã vẽ tác phẩm nghệ thuật của mình bằng loại mực vẽ màu hồng sẫm, được chế bằng cách nghiền đá thổ hoàng trộn với dầu hoặc nhựa thực vật hòa với nước. Tác giả bài viết cho rằng chủ đề hình vẽ có liên quan đến nghi lễ ma thuật cầu săn bắt hoặc liên quan đến tô-tem giáo. Qua nghiên cứu, so sánh với các di tích bích họa cùng loại hình khác trong khu vực liền kề, đặc biệt là với khu vực nam Trung Quốc, bước đầu tác giả tạm xếp bích họa Khố Mỹ có niên đại trước, sau Công nguyên vài ba thế kỷ và chủ nhân là một trong những tộc người thuộc khối cư dân Bách Việt.

Từ khóa: Nghệ thuật hang động, hang Khố Mỹ, Hà Giang.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: The article discusses the cave art in Kho My cave, Tung Vai Commune, Quan Ba District, Ha Giang Province. That is a fresco showing four figures of humans, whose heads are with two long horns, and who have long snouts, in dancing position. Ancient Kho My people created the work with dark pink ink made by blending yellow-soil rocks with vegetable oil or resin mixed with water. The author deems that the theme of the drawing is related either to the shamanic ritual of hunting or to totemism. Through research and comparison with frescoes of the same type in the adjacent area, especially in southern China, he temporarily dates the mural to the times of several centuries BC or AD, deeming that it belongs to one of the Yue ethnic groups.

Keywords: Cave art, Kho My cave, Ha Giang.

Subject classification: Archaeology

1. Mở đầu

Hà Giang là một tỉnh miền núi biên giới cực bắc của Việt Nam. Thành tựu nghiên cứu khảo cổ học ở Hà Giang trong những năm gần đây đã khẳng định Hà Giang là một vùng đất cổ, có bề dày lịch sử, diện mạo văn hoá vùng này luôn mang một sắc thái riêng, độc đáo.

Trong thời gian gần đây, khảo cổ học Hà Giang đã làm giàu thêm bản sắc văn hoá của mình bằng việc phát hiện thêm một loại hình khảo cổ học mới đó là những những di tích khảo cổ học nghệ thuật tạo hình với những hình khắc, vẽ trên đá phát hiện ở các địa phương: Nấm Dẩn (Xín Mần), Hồ Quang Phìn (Đồng Văn), Tùng Vài (Quản Bạ). Bài viết này công bố kết quả nghiên cứu của chúng tôi từ năm 2012 cho đến nay về bức bích họa ở hang Khố Mỹ, huyện Quản Bạ, Hà Giang.

2. Vị trí, cảnh quan của di tích

Hang Khố Mỹ được đặt theo tên thôn Khố Mỹ, xã Tùng Vài, huyện Quản Bạ, nằm cách thị trấn Tam Sơn gần 20 km về phía Tây. Hang có vị trí địa lý: 23⁰05'13,8" vĩ độ Bắc, 104⁰53'24,1" kinh độ Đông.

Tháng 4 năm 2011, trong đợt khảo sát du lịch trên cao nguyên đá Đồng Văn, đoàn khảo sát gồm Giáo sư người Bồ Đào Nha là Artur Agostinho de Abreu e Sá và cán bộ Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn đã phát hiện được những hình vẽ trong hang Khố Mỹ.

Khố Mỹ, theo tiếng Mông có nghĩa là người con gái đẹp, hang nằm sát đường giao thông, khá thuận lợi cho du khách muốn đến thăm cảnh đẹp nơi đây. Hang có

cửa hình tam giác lệch, phần nền hang hơi chìm so với bề mặt bên ngoài hang. Cửa hang quay hướng bắc chệch đông 15⁰, khu vực cửa hang dốc từ ngoài cửa vào trong hang, nền hang khá bằng phẳng, thấp so với khu vực cửa hang khoảng 1,5 m. Lòng hang rộng, dao động khoảng 30-40 m, hang dài hàng trăm mét. Trong phạm vi khoảng 30 m cách cửa hang nhận được ánh sáng mặt trời, càng vào trong càng tối, nền hang ẩm ướt. Trần hang cao, rộng, nhiều nhũ phủ. Càng vào sâu bên trong, hang sở hữu một quần thể nhũ đá đẹp đến lạ kỳ. Mỗi khối nhũ đều góp phần tạo nên bức tranh nghệ thuật tuyệt tác trong lòng động này. Với những giá trị cao về cảnh đẹp do thiên nhiên ban tặng, hang Khố Mỹ được xếp hạng danh lam thắng cảnh cấp Quốc gia năm 2013. Xung quanh hang là hệ sinh thái rừng vô cùng phong phú, bên những sườn núi là các chân ruộng bậc thang uốn lượn, những nóc nhà ẩn hiện trong sương mù góp phần tăng thêm giá trị thẩm mỹ cho danh thắng vùng biên giới.

Từ cửa hang vào sâu bên trong khoảng 40 m, chúng ta bắt gặp những hình vẽ được tìm thấy trên vách trái của hang, trong tầm cao khoảng 1,5 m - 1,6 m so với nền. Khu vực này rất thiếu ánh sáng, nếu không có đèn thì không thể nhận biết được cảnh vật xung quanh. Đáng chú ý là ngay dưới chân vách là dải nước khá lớn. Vách hang - nơi có hình vẽ khá ẩm ướt, điều này khiến cho những hình vẽ bị mòn và mờ dần theo thời gian. Dựa vào kết quả khảo sát, chúng tôi được biết rằng dải nước này chỉ được hình thành vào khoảng thời gian gần đây, khi Ban quản lý Cao nguyên đá Đồng Văn sửa sang nền hang tạo điều kiện cho du khách đi lại tham quan trong hang động [2].

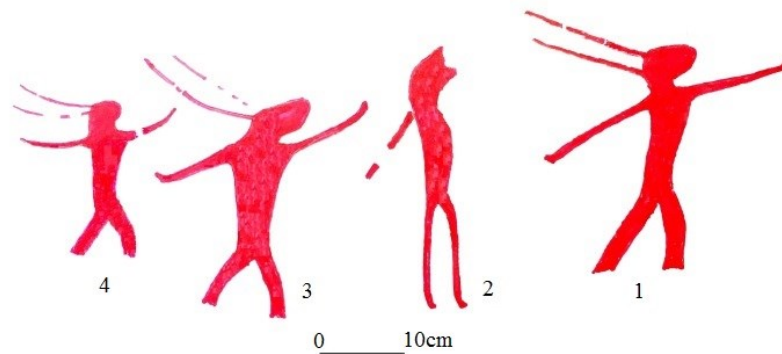
3. Tác phẩm bích họa hang Khố Mỹ

3.1. Mô tả tổng quát tác phẩm

Hiện nay có thể quan sát thấy những hình vẽ được thể hiện trên một vách hang khá phẳng ở độ cao ngang tầm tay với của người lớn. Những hình vẽ người được thực hiện bằng phẩm màu (màu vẽ) hồng sẫm, trong khoảng diện tích vách đá có chiều dài 1,1 m, chiều rộng khoảng 0,45 m (Hình 1). Các hình vẽ thể hiện hình 4 con người đứng cách gần nhau một khoảng cách khá đều nhau (từ 15-20 cm), mặt ngoảnh sang bên trái, hai tay giang ngang, hơi chếch chéo lên. Tay trái giơ cao hơn tay phải tạo thành một đường gần thẳng. Thân thẳng, chân đứng hơi dạng, trong tư thế như người giơ

tay múa. Trong nghiên cứu, các hình vẽ người được đánh số 1, 3, 4 còn khá nguyên vẹn, hình số 2 khá mờ, chỉ còn nhận biết phần đầu và thân, các phần khác đã bị mờ (Hình 1). Đáng chú ý là phần đầu người có bộ phận miệng kéo dài như mõm động vật với hai chiếc sừng nhỏ, dài thẳng trên đầu.

Các hình vẽ được thể hiện theo nguyên tắc luật xa gần, do vậy có kích thước khác nhau. Kích thước đo được trên hình vẽ: chiều cao người trung bình từ 30-32 cm, hai tay giang ngang rộng 30-32 cm, đôi sừng dài 19-20 cm. Xét tổng quát cho thấy hình vẽ người khá cân đối trong tỷ lệ nhân học. Do nằm sâu trong lòng hang, khi mùa mưa đến, vách hang bị ẩm ướt, nên khiến các hình vẽ bị phai nhạt dần theo thời gian.



Hình 1: Mô phỏng hình vẽ trên vách hang Khố Mỹ
(Nguồn: Trình Năng Chung)

Chúng tôi đã khảo sát sâu bên trong hang, đặc biệt trên các vách đá hầu như không tìm thấy dấu tích của những bức bích họa khác. Tại nền hang cũng không có dấu hiệu của các di tích, di vật khảo cổ học.

3.2. Đặc điểm kỹ thuật tạo hình trên đá và phong cách thể hiện

Tại hang Khố Mỹ, ở bề mặt phẳng vách hang ở độ cao vừa tầm tay người lớn,

người xưa đã vẽ lên những tác phẩm nghệ thuật của mình bằng loại màu vẽ là khoáng chất có màu hồng sẫm. Ta có thể coi những hình vẽ trong hang Khố Mỹ là tác phẩm của nghệ thuật tạo hình trong hang động.

Theo kết quả nghiên cứu nghệ thuật bích họa hang động ở khu vực Đông Nam Á, người tiền sử khi tiến hành tô vẽ các hình trên vách hang thường sử dụng các phẩm màu như sau: các loại màu được chế tạo bằng cách nghiền, mài các khoáng chất thành bột rồi pha với nước. Màu đỏ sẫm lấy từ chất hematite (ôxít sắt), màu hồng tươi, màu son lấy từ thổ hoàng (ochre), màu trắng từ đá vôi hay đá phấn tự nhiên, màu đen từ mangan đioxit hay than đá. Một số cộng đồng người còn biết đun nóng các khoáng chất để tạo ra màu mới. Đôi khi để tạo độ kết dính và ngấm sâu vào bề mặt đá, người tiền sử trộn những phẩm màu trên với mỡ, hoặc tuý sừng động vật và nhựa cây. Kỹ thuật vẽ thì đơn giản, có thể dùng que, tay để vẽ [10, tr.73-104].

Những hình vẽ ở hang Khố Mỹ được thực hiện bằng chất liệu có màu hồng sẫm. Khi so sánh với hình vẽ trên vách đá ở một số nơi khác như ở Ninh Bình, Cao Bằng, chúng tôi cho rằng người xưa ở Khố Mỹ đã nghiền đá thổ hoàng (một loại khoáng chất có màu đỏ sẫm) trộn với dầu hoặc nhựa thực vật hòa với nước làm mực vẽ. Đây là chất liệu vẽ thích hợp nhất vì nó có thể sử dụng trên bề mặt có lỗ nhỏ như đá và chịu được tác nhân môi trường. Ngày nay, chúng ta còn bắt gặp rất nhiều những viên thổ hoàng nằm rải rác ven suối hoặc trên bề mặt con đường mòn dẫn đến hang Khố Mỹ. Đây thực sự là nguồn chất liệu rất phong phú để những nghệ nhân Khố Mỹ xưa sử dụng.

Nghệ thuật hang động ở Khố Mỹ thuộc loại hình những hình vẽ màu đỏ (red paintings) còn hiếm gặp ở Việt Nam.

Những hình vẽ trên vách hang Khố Mỹ được thể hiện theo phong cách tả thực, người nghệ sĩ xưa đã cố gắng diễn tả những con người đang nhảy múa một cách chân thực nhất và sống động nhất. Cư dân Khố Mỹ xưa biết cách diễn tả những nét đậm nhạt, thể hiện bức tranh có sắp xếp bố cục, hình khối theo quy luật gần xa. Những hình vẽ đó không đơn thuần là nghệ thuật mà nó còn gắn liền với chức năng khác, diễn tả một phần đời sống tâm linh quan trọng lúc đương thời. Theo quan điểm của học giả E. H. Gombrich, tác giả cuốn *Câu chuyện nghệ thuật* thì nghệ thuật tạo hình thời nguyên thủy thường gắn với những tín ngưỡng, ma thuật, nghi lễ ma thuật [9]. Có lẽ, những bích họa trong hang Khố Mỹ cũng không nằm ngoài ý thức hệ này.

Về nội dung, chúng tôi cho rằng đây là những hình vẽ cổ, được thể hiện theo phong cách tả thực một buổi lễ với động tác nhảy múa của tập người hóa trang thành loài thú mõm dài, có hai sừng dài, có liên quan đến nghi lễ ma thuật cầu săn bắt hoặc liên quan đến tô-tem giáo. Cần lưu ý là những hình vẽ này được thực hiện trong hang sâu tối tăm mang tính chất huyền bí. Đây là bức bích họa rất có giá trị về văn hóa và lịch sử. Những hình vẽ như vậy rất hiếm tìm thấy trên đất nước ta, cần phải được giữ gìn bảo tồn.

3.3. Chủ nhân và niên đại

Để tìm hiểu rõ chủ nhân và niên đại của tác phẩm tạo hình ở hang Khố Mỹ, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra dân tộc học và so sánh khảo cổ học.

3.3.1. Về chủ nhân

Xung quanh những hình vẽ trong hang Khố Mỹ có tồn tại những truyền thuyết liên quan không? Kết quả khảo sát dân tộc học trong vùng cho thấy không có truyền thuyết nào gắn với bức bích họa đó. Cư dân hiện tại sống ở khu vực xã Tùng Vài phần lớn là người Mông, Dao, Nùng, Tày, Giáy, Bó Y. Khi chúng tôi điều tra về tên địa danh lịch sử các thửa ruộng, rừng cây, hang động, dòng suối tại xã Tùng Vài, thì thấy có hiện tượng pha trộn các ngữ tộc người khác nhau, điều này phản ánh đã có nhiều tộc người đã đến đây cư trú, tạo thành nhiều lớp trầm tích ngôn ngữ tộc người rất khó tách bạch.

Đối với đồng bào dân tộc Mông ở địa phương, có một truyền thuyết về nàng tiên trong hang Khố Mỹ được truyền miệng qua nhiều đời. Chuyện kể rằng, xưa kia có hai vợ chồng hiếm muộn, mãi tới 50 tuổi mới sinh được mụn con gái, đặt tên là Mỹ. Cô gái Mỹ lớn lên xinh đẹp như hoa, mới hơn 10 tuổi, nàng đã thông thạo mọi công việc cày cấy, se lanh, dệt vải, lại hay giúp đỡ người khác nên được dân làng yêu mến. Đến tuổi trăng tròn, nàng đem lòng yêu thương và kết duyên vợ chồng với chàng trai nghèo ở làng bên. Thời ấy, có viên quan cai quản vùng này, vốn tính tham lam, háo sắc. Một hôm, viên quan đi qua làng gặp Mỹ, thấy Mỹ xinh đẹp liền muốn cướp về làm vợ. Bằng mọi thủ đoạn đê tiện, nàng Mỹ bị hấn bắt cóc, bố mẹ và chồng nàng Mỹ bị bắt giam, bị đầy đọa đến chết. Biết tin đó, nàng Mỹ vô cùng đau khổ, nàng quyết tâm trả thù cho bố mẹ và chồng. Một ngày, nhân lúc lão quan sơ hở, nàng dùng dao đâm chết rồi bỏ trốn lên rừng, vào hang. Ban ngày nàng ra khỏi hang, phát rẫy làm

nương, trồng lanh, ban đêm lại vào hang ngủ. Thủa đó, người Mông nơi đây chưa biết trồng lanh dệt vải mà vẫn dùng vỏ cây để che thân. Chính nàng Mỹ là người dạy dân bản biết trồng lanh, se sợi, dệt vải. Dân trong vùng tôn kính gọi nàng là tiên Khử Mỹ. Một ngày nọ, dân làng bỗng không thấy nàng xuất hiện, mọi người cùng kéo nhau đi tìm, tìm mãi vẫn không thấy, trong hang chỉ còn lại bộ váy áo của nàng bên cạnh một đồng mối đùn. Để tỏ lòng thương nhớ và tôn kính tiên Khử Mỹ, dân làng đã lập miếu thờ nàng trên một quả đồi nhỏ (miếu hiện nay vẫn còn) và lấy tên nàng đặt làm tên thôn, hang động nơi nàng sống gọi là hang Khố Mỹ. Cũng từ bao đời nay, vào những dịp lễ tết, dân bản lại tập trung ở khu vực trước cửa hang, tổ chức lễ hội Gầu Tào với những trò chơi truyền thống như ném còn, đẩy gậy²...

Bằng phương pháp phỏng vấn dân tộc học, chúng tôi được các cụ lão niên cao tuổi ở trong vùng cho biết, đã từ bao đời nay, sự tồn tại của những hình vẽ ở hang Khố Mỹ luôn là điều kỳ bí, họ cũng không rõ những hình vẽ đó có từ bao giờ. Truyền thuyết về hang Khố Mỹ của người Mông dường như cũng muộn màng và chẳng mấy liên quan đến những hình bích họa trong hang.

Theo kết quả nghiên cứu của nhiều nhà dân tộc học lịch sử thì dân tộc Tày, Lô Lô, Dao, Mông, Nùng, Giáy, Bó Y... di cư đến Hà Giang nhiều đợt, có niên đại sớm muộn khác nhau. Người Tày có mặt tại Hà Giang vào nửa cuối thiên niên kỷ I sau Công nguyên; người Lô Lô khoảng thế kỷ X; người Dao từ sau thế kỷ XIII; người Mông vào khoảng thế kỷ XVII... [5, tr. 21], [6, tr.11], [7, tr.100-145].

Hiện vẫn chưa tìm thấy mối dây liên hệ giữa đời sống của cư dân ở đây với những

bích họa trong hang Khố Mỹ. Những tác phẩm trên đá ở đây đã bị chìm sâu vào trong quên lãng của ký ức dân gian vùng và vấn đề chủ nhân đích thực của những hình khắc trên vẫn còn là điều bí ẩn.

Trước mắt chưa thể xác định được tộc thuộc chủ nhân các hình vẽ ở hang Khố Mỹ. Song một điều chắc chắn dòng nghệ thuật này là thuộc về một hoặc vài nhóm cư dân thiểu số, sống du canh, du cư, nay đây, mai đó. Theo sử sách cho biết, vào thời điểm trước, sau Công nguyên, khu vực phía bắc Đông Dương giáp nam Trung Quốc hiện nay là một phần cương vực cư trú của khối người Bách Việt xưa. Đây là khu vực chứng kiến nhiều biến động xã hội đương thời. Lúc đó, do sự thôn tính, bành trướng của các lãnh chúa phong kiến Hán tộc, các tộc người Bách Việt đã tiến hành nhiều cuộc thiên di lớn từ nam Trung Quốc xuống. Họ men theo các thung lũng, triền sông, tiến hành nhiều đợt, toả rộng xuống khu vực phía nam. Đặc biệt, vào khoảng từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ IX, do sức ép của các triều đình lớn ở phía bắc (Đông Hán, Tuỳ, Đường) gây nên những đợt biến lớn về quốc gia - tộc người ở vùng nam Trung Quốc, đặc biệt ở các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu [13]. Nhiều đợt di dân xuôi theo các dòng sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Mê Kông... đã tạo ra một diện mạo dân cư mới ở bắc Đông Dương và Đông Nam Á cổ đại [8]. Trong những tộc di dân, phần lớn đã từng có thể chế xã hội, thủ lĩnh, đỉnh cao với nền tảng kinh tế chính là trồng lúa nước. Họ đã nắm vững các kỹ thuật luyện kim rèn sắt, kỹ thuật thủy lợi, chăn nuôi, trồng trọt...

Do thiếu rất nhiều những dữ liệu cần thiết để đưa ra những kết luận về chủ nhân, chúng tôi giả thiết rằng, rất có thể là một

nhóm tộc người nào đó trong khối Bách Việt đã tiến xuống cư trú vùng thung lũng Tùng Vài, Quản Bạ và là chủ nhân của những hình vẽ trong hang Khố Mỹ (khả năng gắn với lớp cư dân Tày - Thái xét về logic thì lớn hơn cả).

3.3.2. Về niên đại

Việc xác định niên đại cho những bích họa trên vách đá ở hang Khố Mỹ gặp nhiều khó khăn do số lượng hình vẽ còn ít, đối tượng thể hiện khá đơn giản và chưa tìm thấy những dữ liệu khảo cổ học khác trong lòng hang.

Dựa vào phương pháp khảo cổ học so sánh, đặt đối tượng nghiên cứu trong mối liên hệ với các bích họa cùng loại hình ở khu vực lân cận, bước đầu chúng tôi đưa ra khung niên đại cho bích họa Khố Mỹ.

Trên vùng đất Hà Giang, ngoài hang Khố Mỹ, chúng ta đã phát hiện được những di tích nghệ thuật tạo hình trên đá ở Nậm Dẩn (Xín Mần) và Hố Quảng Phìn (Đồng Văn) [7, tr.76-84], [3, tr.84-86]. Tại hai di tích nói trên, các hình vẽ được tạo tác bởi kỹ thuật đục khắc trên bề mặt các khối, tảng đá lớn ngoài trời, với những đồ án hình học mang tính sơ đồ và hình người giàu tính biểu tượng. Rõ ràng chúng ta thấy sự khác nhau, khó so sánh giữa bích họa Khố Mỹ và các hình khắc cổ ở Nậm Dẩn và Hố Quảng Phìn.

Ở khu vực nam Trung Quốc, gần với hang Khố Mỹ hơn cả là địa điểm Đại Vương, thuộc huyện Ma Lạt Pha, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam Trung Quốc có những bức bích họa ở trên vách đá. Tại đây có hai mái đá là Đại Vương I và Đại Vương II cách nhau hơn 20 m. Tại địa điểm Đại Vương I có hơn 20 hình vẽ màu hồng, đen,

trắng, bao gồm 11 hình người trong tư thế dang tay chân như hình con ếch, 3 con trâu, 4 hình thú hai đầu, và một số hình vòng tròn xoắn cuộn, hình sin. Tại địa điểm Đại Vương II có hơn 10 hình vẽ bằng màu hồng, gồm có 9 hình người trong tư thế dạng chân tay và 4 hình chưa xác định [16, tr. 80].

Việc xác định niên đại những bích họa ở dãy núi Đại Vương cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Dựa vào nội dung hình vẽ, vào kỹ thuật tạo hình và bối cảnh lịch sử vùng, có ý kiến cho rằng những hình người ở đây biểu tượng cho nhân vật Nùng Trí Cao - người anh hùng dân tộc của người Choang (Tày, Nùng) ở thế kỷ XI. Những hình người được vẽ trên vách đá là thần bảo hộ cho cư dân người Choang³. Ý kiến khác cho rằng chủ nhân của những bức bích họa thuộc về cư dân hậu kỳ Đá mới, khi mà xã hội đương thời chưa có giai cấp, có niên đại muộn nhất là 3.400 năm cách nay [16, tr.83].

Tại khu vực phía nam tỉnh Quảng Tây, qua nhiều năm điều tra nghiên cứu, đến nay các nhà khảo cổ học Trung Quốc đã phát hiện được 82 địa điểm có hình vẽ trên vách núi có cùng phong cách, phân bố trong phạm vi trên 200 km dọc theo sông Tả Giang thuộc các huyện thị Bằng Tường, Long Châu, Ninh Minh, Sùng Tả, Phù Tuy, Đại Tân. Có thể gọi chung là quần thể nham họa (bích họa) Hoa Sơn, hoặc nham họa Tả Giang, Quảng Tây [12, tr.98].

Đặc điểm kỹ thuật tạo hình và phong cách thể hiện những hình vẽ ở Hoa Sơn khá giống nhau. Đó là các hình được vẽ bằng phẩm màu đỏ với các hình người trong tư thế dạng chân, hai tay giơ lên như hình con ếch, trên người đeo kiếm ngắn cán dẹt, kiếm có chấn tay hình chữ nhật, kiếm đốc tròn, hình người cưỡi ngựa, hình trống

đồng, chuông có mẫu hình sừng dê, hình con chó trên những vách núi cao gần kề sông nước, dòng chảy... (Hình 2).

Về nội dung các nham họa Hoa Sơn, có nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng đó là sự ghi nhận một sự kiện lịch sử cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng, người Giao Chỉ chống nhà Đông Hán. Có ý kiến cho rằng đó là một loại ký hiệu ngôn ngữ của thời kỳ quá độ từ hội họa phát triển sang hình tượng văn tự. Ý kiến khác lại cho rằng đó là biểu hiện của di tồn văn hóa vụ thuật hay ý thức tôn giáo nguyên thủy có liên quan đến tế lễ thủy thần, sùng bái tổ tiên, sùng bái vật tổ của bộ lạc.

Do việc lý giải các hình tượng trên bích họa Hoa Sơn không giống nhau nên việc đoán định niên đại giữa các nhà nghiên cứu cũng có khác nhau. Đại thể có nhiều nhóm ý kiến khác nhau. Nhóm ý kiến sớm nhất xếp niên đại khoảng thời Tây Chu, cách nay khoảng 3.000 năm, nhóm ý kiến muộn xếp niên đại vào giữa thế kỷ XIX, liên quan đến phong trào Thái Bình Thiên Quốc [14, tr.159-170]. Xu thế hiện nay, niên đại bích họa Tả Giang được xác định từ thời Chiến Quốc đến Đông Hán (thế kỷ V trước CN đến thế kỷ III sau CN) được phần lớn giới học thuật tiếp nhận. Tác giả bài viết này có may mắn được đến khảo sát những bích họa bên sông Tả Giang ở huyện Sùng Tả cũng đồng tình với luận điểm này.

Về chủ nhân của những nham họa Tả Giang cũng tồn tại một số giả thuyết khác nhau, như thuyết nhóm người Mèo - Dao, thuyết tộc người Lạc Việt, thuyết tộc người Âu Việt... Nhìn chung chủ nhân của những nham họa Hoa Sơn thuộc một trong những khối cộng đồng người Bách Việt ở nam Trung Quốc [11], [15].



Hình 2. Những hình vẽ ở Tả Giang, huyện Sùng Tả, Quảng Tây, Trung Quốc
(Nguồn: Trình Năng Chung)

Qua so sánh về kỹ thuật tạo hình, về phong cách nghệ thuật và chủ đề thể hiện ở Khố Mỹ với các bích họa ở núi Đại Vương (Vân Nam) và Tả Giang (Quảng Tây), chúng tôi nhận thấy chúng có những đặc điểm chung về kỹ thuật tạo hình, về phong cách thể hiện như việc sử dụng các phẩm màu hồng sẫm, màu son lấy từ thổ hoàng (ochre) làm chất liệu để vẽ trên đá, với kỹ thuật tạo hình đơn giản, có thể dùng que, tay để vẽ. Những hình vẽ nói trên đều là tác phẩm của nghệ thuật tạo hình trên đá (Rock Painting), thuộc loại hình những hình vẽ màu đỏ (Red paintings), chúng được thể hiện theo phong cách tả thực.

Riêng về nội dung chủ đề thể hiện có khác nhau chút ít, các hình vẽ tại địa điểm núi Đại Vương (Vân Nam), tại Tả Giang (Vân Nam) phong phú hơn với các hình người, động vật, hình học. Tại vùng Tả Giang còn có hình người đeo kiếm ngắn cán dẹt, kiếm có chắn tay hình chữ nhật,

kiếm đốc tròn, hình người cưỡi ngựa, hình trống đồng và chuông có mẫu hình sừng dê. Đó là một những căn cứ để các học giả Trung Quốc xác định tuổi cho bích họa nơi đây. Còn đối với hình vẽ trong hang Khố Mỹ, số lượng hình vẽ còn ít, chủ yếu là hình người hóa trang trong tư thế nhảy múa, chúng tôi cho rằng chúng có liên quan đến nghi lễ ma thuật cầu săn bắn hoặc liên quan đến tô-tem giáo.

Chúng ta biết rằng ma thuật cầu săn bắt là biểu hiện của việc người tiền sử tin vào khả năng tác động đến những con thú được săn bắt bằng những hành động tượng trưng (cầu khấn, phù phép, thần chú...) nghĩa là bằng con đường siêu nhiên. Nhờ các biện pháp ma thuật, người tiền sử cố gắng tác động đến việc săn bắt thú và làm cho nó diễn ra theo ý mình mong muốn. Còn tô-tem giáo là hình thức tôn giáo cổ xưa, thể hiện niềm tin vào mối quan hệ gần gũi, huyết thống giữa một cộng đồng người với

một loài động, thực vật hoặc một đối tượng tự nhiên nào đó. Từ đó xuất hiện một ảo tưởng về mối quan hệ giữa loài vật đó với cộng đồng người săn bắt, hái lượm chúng và cuối cùng đối tượng đó lại trở thành tổ tiên chung - là tô-tem của cộng đồng đó.

Như vậy, căn cứ vào nội dung được diễn giải đối với hình vẽ Khố Mỹ, chúng tôi cho rằng về niên đại, chúng có thể tương đương với những hình họa trên vách núi Hoa Sơn, Tả Giang. Về niên đại cụ thể, chúng tôi muốn liên hệ đến những tài liệu khảo cổ hiện có ở khu vực rừng núi Quản Bạ. Theo đó, chúng ta đã ghi nhận sự có mặt của con người thời đại Kim khí ở hang Thẩm Ké, thôn Bảo An, thị trấn Tam Sơn, Quản Bạ [4, tr.65-73].

Hang Thẩm Ké nằm cách hang Khố Mỹ hơn 10 km theo đường chim bay. Năm 1996, Viện Khảo cổ học tiến hành đào khảo sát hang này. Địa tầng văn hóa dày khoảng 0,5 m gồm hai lớp: lớp trên (L2) dày 0,2 m chứa 25 mảnh sành sứ của thời kỳ Lê - Nguyễn. Lớp dưới (L1) dày 0,3 m nằm trực tiếp trên đá nền, chứa khá nhiều mảnh gốm thô, xương răng động vật và vỏ ốc ruộng. Tổng số có 43 mảnh gốm thô lớp L1, có lẽ được vỡ ra từ nhiều hiện vật khác nhau, không phục nguyên được hình dạng của gốm. Phần lớn gốm nặn bằng tay, mặt trong gốm không nhẵn đều còn lưu lại một vài chỗ lồi lõm. Về chất liệu gốm có hai loại: gốm thô (xương gốm đỏ sẫm lẫn nhiều sạn nhỏ) và gốm mịn (xương gốm màu đen, hạt mịn). Đa số là gốm đáy tròn, chưa có chân đế. Về hoa văn, chủ yếu là hoa văn in ô vuông loại nhỏ đều đặn, thứ đến là hoa văn thừng mịn. Căn cứ vào địa hình nền hang và địa tầng văn hóa, các nhà khảo cổ cho rằng, hang Thẩm Ké là nơi dừng chân tạm thời của một vài nhóm cư dân cổ. Sự xuất hiện những mảnh gốm hoa văn in cùng những mảnh gốm thô hoa văn thừng cho thấy đã có sự tiếp xúc với văn hóa từ

phương Bắc xuống. Đây cũng là căn cứ quan trọng để xác định hang Thẩm Ké là một di chỉ cư trú của cư dân thuộc giai đoạn sơ kỳ sắt, có niên đại khoảng trước, sau Công nguyên một vài thế kỷ [4, tr.71]. Đây cũng là niên đại đoán định, ghi nhận sự xuất hiện những hình vẽ trong hang Khố Mỹ - sản phẩm nghệ thuật tạo hình của một số nhóm tộc người nào đó trong khối Bách Việt di chuyển cư trú đến vùng rừng núi Quản Bạ, Hà Giang.

4. Kết luận

Những kết quả nghiên cứu bước đầu về những hình vẽ cổ ở hang Khố Mỹ cho thấy di tích này có nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa. Kỹ thuật tạo hình, cũng như phong cách thể hiện ở nghệ thuật hang động Khố Mỹ có chung truyền thống nghệ thuật tạo hình trên đá ở khu vực Đông Nam Á và nam Trung Quốc cổ đại. Điều này góp phần tìm hiểu nghệ thuật tạo hình thời xa xưa của ông cha ta.

Từ những hình khắc, vẽ trên đá ở Khố Mỹ (Quản Bạ), ở Nấm Dẩn (Xín Mần) và Hồ Quảng Phìn (Đồng Văn), những bậc tiền nhân đã gửi cho chúng ta nhiều thông điệp, trong đó còn nhiều điều bí ẩn chưa được khám phá, giải mã. Hy vọng trong tương lai sẽ có nhiều cơ quan chức năng, nhiều nhà nghiên cứu dành nhiều công sức, trí lực trong việc khám phá và nghiên cứu nghệ thuật tạo hình trên đá ở Hà Giang, đặc biệt là hang Khố Mỹ. Những hình vẽ như vậy còn hiếm tìm thấy trên đất nước ta, cần phải được giữ gìn bảo tồn và phát huy giá trị.

Chú thích

² Theo cụ Thào Mí Hờ 75 tuổi, người dân tộc Mông ở bản Khố Mỹ cho biết, lễ hội Gầu Tào là lễ hội lớn

nhất và có quy mô cộng đồng duy nhất của người Mông trong vùng. Lễ hội này gắn với đời sống tâm linh, niềm tin của người Mông về sự ấm no, hạnh phúc (phỏng vấn năm 2013).

³ Nùng Trí Cao (1025-1055) là nhân vật lịch sử, quê ở Quảng Uyên, Cao Bằng. Ông đại diện cho ý chí và sức mạnh của các dân tộc vùng cao chống lại các thế lực thống trị phong kiến. Nùng Trí Cao trở thành một biểu tượng văn hóa, một anh hùng huyền thoại trong đời sống văn hóa tâm linh của đồng bào người Tày - Nùng (Choang). Tên tuổi, hình ảnh Nùng Trí Cao được ghi lại rất sâu đậm trong sử sách cũng như trong tâm thức của người dân địa phương, không những chỉ ở địa bàn các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang... mà còn ở một số nước láng giềng như Trung Quốc, Thái Lan.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trình Năng Chung (2007), “Những hình khắc cổ trên đá ở Xín Mần, Hà Giang”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 5.
- [2] Trình Năng Chung (2012), *Báo cáo kết quả điều tra khảo cổ học cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang năm 2012*, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- [3] Trình Năng Chung (2017), “Những hình khắc trên đá ở Đồng Văn (Hà Giang) và Mù Căng Chải (Yên Bái)”, *Những phát hiện mới khảo cổ học mới năm 2016*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Trình Năng Chung (2018), “Di tích khảo cổ học tiền sử trên cao nguyên đá Đồng Văn”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.
- [5] Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (1999), *Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [6] Trường Lưu, Hùng Đình Quý (Chủ biên) (1996), *Văn hóa dân tộc Mông ở Hà Giang*, Viện Văn hóa - Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao Hà Giang xuất bản.
- [7] Hùng Đình Quý (Chủ biên) (1994), *Văn hóa truyền thống các dân tộc Hà Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao Hà Giang xuất bản.
- [8] Nguyễn Duy Thiệu (Chủ biên) (1997), *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] E. H Gombrich (1995), *Story of Art*, Phaidon Press, 16 edition.
- [10] Noel Hidalgo Tan (2014), “Rock Art Research in Southeast Asia: A Synthesis”, *Arts*, No 3 (1), pp.73-104.
- [11] Trần Viễn Chương (1987), “Di tích nham họa ở Tả Giang thuộc văn hóa Lạc Việt, không thuộc về tộc Mèo - Dao”, *Tạp chí Văn vật Quảng Tây*, số 2. 陈远璋 (1987), 骆越文化的遗迹 - 左江岩画族属非“苗瑶辨”, *广西文物*. 第2期.
- [12] Trần Viễn Chương (2006), *Khái thuật nghiên cứu nham họa ở Tả Giang, Quảng Tây*, Tập luận văn khảo cổ học Quảng Tây, t.2, Nxb Khoa học, Bắc Kinh, tr. 97-111. 陈远璋 (2006), 广西左江岩画研究概述. *广西考古文集*. 集二辑, 科学出版社, 北京: 97-111.
- [13] Trương Bính Chiêu (Chủ biên) (2005), *Nghiên cứu văn hoá dân tộc Bách Việt*, Nxb Đại học Hạ Môn. 浆炳钊 (主编) (2005), 百越文化研究, 厦门大学出版社.
- [14] Lương Húc Đạt (2005), *Bàn về niên đại của các bích họa trên đá ở Tả Giang, Quảng Tây*, Tập luận văn Bảo tàng Quảng Tây, t.2, Nxb Nhân dân Quảng Tây, tr. 159-170. 梁旭达 (2005), 试论广西花山崖壁画的年代问题, *广西博物馆文集*, 第二辑, 广西人民出版社: 159-170.
- [15] Đàm Thánh Mẫn, Đàm Thái Loan, Lô Mẫn Phi, Du Như Ngọc (1987), *Khảo sát và nghiên cứu những bích họa trên đá ở lưu vực Tả Giang, Quảng Tây*, Nxb Dân tộc Quảng Tây. 覃圣敏, 覃彩銮, 卢敏飞, 愉如玉 (1987), 广西左江流域崖壁画考察与研究, 广西民族出版社.
- [16] Dương Thiên Hữu (1998), *Những hình vẽ trên vách đá ở khu núi Đại Vương huyện Ma Lạt Pa*, Tập luận văn khảo cổ học Vân Nam, Nxb Dân tộc Vân Nam, tr. 80-83. 楊天佑 (1988), 磨栗坡大王岩崖画, *云南考古文集* 云南民族出版社: 80-83.